**ỦY BAN DÂN TỘC Phụ lục 05**

**TỔNG HỢP KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG TRONG THỰC HIỆN**

**CÔNG TÁC DÂN TỘC VÀ CHÍNH SÁCH DÂN TỘC NĂM 2022**

*(Kèm theo báo cáo số: /BC-UBDT ngày tháng 01 năm 2023 của Ủy ban Dân tộc)*

Tính đến ngày 28/12/2022, trong tổng số 46/53 tỉnh/TP (địa phương) gửi báo cáo có:

* **42/46 tỉnh/thành phố có khó khăn, vướng mắc** *(Gồm: Lai Châu, Lâm Đồng, Lạng Sơn, Lào Cai, Ninh Bình, Ninh Thuận, Phú Yên, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Tây Ninh, Thái Nguyên, Thừa Thiên – Huế, Trà Vinh, Tuyên Quang, Vĩnh Long, Vĩnh Phúc, Yên Bái, An Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bắc Giang, Bắc Kạn, Cà Mau, Cao Bằng, TP. Đà Nẵng, Điện Biên, Đồng Nai, Gia Lai, Hà Giang, TP. Hà Nội, Hậu Giang, Hòa Bình, Khánh Hòa, Kiên Giang, Sóc Trăng, Đắk Lắk, Bình Định, Bình Phước, Nghệ An, Kon Tum,Thanh Hóa)*
* **04/46 tỉnh/thành phố không có khó khăn, vướng mắc** *(Gồm: Quảng Ninh, TP. Cần Thơ, Đắk Nông, TP. Hồ Chí Minh)*
* **07/53 tỉnh/thành phố không gửi báo cáo** *(Gồm: Bạc Liêu, Bình Dương, Bình Thuận, Hà Tĩnh, Long An, Phú Thọ, Sơn La)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nhóm nhiệm vụ, chương trình/chính sách** | **Khó khăn, vướng mắc** | **Tỉnh/TP** | **Vụ/đơn vị nghiên cứu, tham mưu** |
| **1** | **Thực hiện chính sách dân tộc nói chung** | Công tác rà soát, đánh giá thực hiện các chính sách hỗ trợ trực tiếp cho hộ đồng bào DTTS của một số địa phương khi tham mưu xây dựng Chương trình chưa sát với thực tiễn nên trong năm đầu triển khai thực hiện, một số chỉ tiêu về xây dựng nhà ở, sửa chữa nhà ở, xây dựng nhà vệ sinh, lắp điện sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS, qua rà soát, thẩm định chưa đảm bảo 100% chỉ tiêu được giao. | Bà Rịa - Vũng Tàu | Vụ CSDT |
|  |  | Một số chính sách có mục tiêu lớn, nhu cầu vốn lớn nhưng Trung ương bố trí vốn ít nên địa phương khó thực hiện. Một số Đề án, Dự án do TƯ ban hành nhưng giao cho tỉnh cân đối nguồn kinh phí thực hiện nên khó khăn trong cân đối ngân sách và tổ chức thực hiện.  | Bắc Kạn, Điện Biên | Các vụ, đơn vị |
|  |  | Các chính sách chưa gắn kết chặt chẽ với quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH, gắn kết giữa phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội; chưa chủ động lồng ghép các chính sách thực hiện trên cùng địa bàn. | Cà Mau | Vụ CSDT |
|  |  | Trình độ dân trí của một số vùng trên địa bàn thấp, chưa chủ động trong phát triển kinh tế gia đình, còn có tính ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước; Các chương trình, dự án đầu tư, phát triển KT-XH ở vùng dân tộc, miền núi còn nhỏ lẻ, kinh phí đầu tư chưa đảm bảo. Một số chính sách đối với đồng bào DTTS đang thực hiện còn dàn trải, kém hiệu quả. | Cao Bằng | Các vụ, đơn vị |
|  |  | Tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp trong năm 2021 và những tháng đầu năm 2022 cùng với giá cả một số mặt hàng có lúc tăng cao và ảnh hưởng của thời tiết đã gây những tác động tiêu cực đến các hoạt động KT-XH cho người dân nói chung và người dân vùng DTTS&MN nói riêng. | Đắk Lắk, Lào Cai, Ninh Thuận, Quảng Bình, Sóc Trăng, Nghệ An | Các vụ, đơn vị |
|  |  | Năm 2022 là năm đầu của giai đoạn 2021 - 2025, các chương trình, CSDT ban hành chưa kịp thời nên ảnh hưởng đến công tác triển khai thực hiện CSDT. | Lai Châu, Lạng Sơn, Ninh Bình, Nghệ An | Các vụ, đơn vị |
| **2** | **Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025** |
| 2.1 |  | -Năm 2022 TƯ phân bổ các nguồn vốn muộn (tháng 6 năm 2022) và địa phương phải thực hiện các thủ tục phân bổ vốn theo quy trình, trình HĐND tỉnh nên việc triển khai, thực hiện các nguồn vốn gặp khó khăn.- TƯ chưa thông báo mức vốn sự nghiệp cả giai đoạn 2021-2025 nên địa phương gặp khó khăn trong việc xây dựng các danh mục nội dung dự án sử dụng vốn sự nghiệp thực hiện chương trình, nhất là việc lựa chọn, xác định quy mô các dự án về hỗ trợ phát triển sản xuất thực chuỗi liên kết cần thực hiện từ 2-3 năm. | An Giang, Bắc Giang, Bắc Kạn, Cà Mau, Cao Bằng, Đắk Lắk, Điện Biên, Gia Lai, Hậu Giang, Lào Cai, Ninh Thuận, Phú Yên, Quảng Ngãi, Sóc Trăng, Tây Ninh, Thái Nguyên, Thừa Thiên - Huế, Trà Vinh, Vĩnh Long, Yên Bái, Bình Phước, Kon Tum, Nghệ An | Vụ CSDT và VPCTMTQG 1719 |
| 2.2 |  | Một số chính sách không có định mức kinh phí, định mức hỗ trợ (hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất…) nên không có cơ sở pháp lý để triển khai lập kế hoạch. | An Giang, Bắc Kạn, Cà Mau, Cao Bằng, Điện Biên, Đồng Nai, Gia Lai, Hà Giang, Hậu Giang, Lâm Đồng, Lào Cai, Ninh Thuận, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Sóc Trăng, Thừa Thiên - Huế, Yên Bái, Thanh Hóa | Vụ CSDT  |
| 2.3 |  | Các Bộ ngành chậm ban hành văn bản hướng dẫn và đến nay vẫn chưa đủ văn bản hướng dẫn (của Bộ TTTT). Những hướng dẫn đã ban hành có một số nội dung hướng dẫn chưa cụ thể, khó thực hiện, vì vậy các địa phương lúng túng trong công tác chuẩn bị đầu tư, lập và giao kế hoạch cũng như công tác triển khai thực hiện, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và giải ngân nguồn vốn. | An Giang, Bắc Giang, Bắc Kạn, Cà Mau, Điện Biên, Đồng Nai, Gia Lai, Hà Giang, Hậu Giang, Khánh Hòa, Lai Châu, Lâm Đồng, Lào Cai, Ninh Bình, Ninh Thuận, Phú Yên, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Sóc Trăng, Tây Ninh, Thái Nguyên, Thừa Thiên - Huế, Trà Vinh, Vĩnh Long, Yên Bái, Bình Định, Bình Phước, Kon Tum, Nghệ An, Thanh Hóa | Vụ CSDT |
| 2.4 |  | UBDT chậm ban hành tài liệu về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ thuộc Chương trình sử dụng vốn sự nghiệp (theo QĐ 743/QĐ-UBDT ngày 10/10/2022 của UBDT)…do đó địa phương còn lúng túng, khó khăn trong xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện.  | An Giang, Gia Lai, Hà Giang, Yên Bái, Thanh Hóa | VPCTMTQG 1719 |
| 2.5 |  | Năm đầu tiên thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH, vùng đồng bào DTTS nên còn lúng túng trong quá trình thực hiện các quy trình, về cơ chế điều hành, quản lý Chương trình, triển khai con chậm | An Giang, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Bình Định | VPCTMTQG 1719 và Vụ CSDT |
| 2.6 |  | Việc hỗ trợ, phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị khó triển khai thực hiện do điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng tại vùng dân tộc còn hạn chế, địa bàn xa trung tâm; sự liên kết, hợp tác giữa các hợp tác xã với các doanh nghiệp chưa nhiều; mặt khác các hợp tác xã chủ yếu ở khu vực nông thôn, năng lực quản lý chưa cao, thiếu vốn, thiếu khoa học kỹ thuật. | Bắc Giang | Vụ CSDT và VPCTMTQG 1719 |
|  |  | Việc thực hiện Thông tư số 01/2022/TT-UBDT ngày 26/5/2022 của UBDT cũng rất khó khăn; do có rất nhiều số liệu thống kê, liên quan đến nhiều mẫu biễu tổng hợp, nhưng UBDT vẫn chưa hướng dẫn, hỗ trợ các tỉnh kết nối, đưa vào vận hành được hệ thống thông tin quản lý số liệu ứng dụng các giải pháp số hóa. | Cà Mau, Hậu Giang | VPCTMTQG 1719 |
|  |  | Cơ chế quản lý, sử dụng nguồn vốn sự nghiệp của Chương trình MTQG 1719 còn nhiều khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân vốn. | Đắk Lắk | VPCTMTQG 1719 |
|  |  | Một số Dự án được Trung ương cấp vốn đồng thời cấp mã nguồn ngân sách Dự án, có Dự án tỉnh không có đối tượng triển khai nhưng không điều chuyển sang nội dung Dự án khác do khác mã nguồn ngân sách (Cụ thể Dự án 09). | Vĩnh Long | Vụ KH-TC |
|  |  | Đối với danh mục các công trình thuộc Chương trình MTQG 1719 đa số là những công trình nhóm C, quy mô nhỏ và rất nhỏ, quá trình triển khai một số dự án gặp khó khăn, do phải thực hiện các thủ tục điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn, phân bổ vốn theo luật đầu tư công; thời gian làm mọi thủ tục đầu tư, giải ngân kéo dài vì phải qua nhiều cấp thỏa thuận, xét duyệt. | Phú Yên, Quảng Nam, Kon Tum, Thanh Hóa | VPCTMTQG 1719 |
|  |  | Một số văn bản pháp luật của Trung ương liên quan đến các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù chưa được ban hành, khó khăn cho địa phương trong quá trình ban hành các văn bản liên quan, cụ thể: Bộ Xây dựng chưa có hướng dẫn về quản lý chi phí đầu tư xây dựng các dự án, công trình xây dựng thuộc các Chương trình MTQG theo quy định của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ, đặc biệt là việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với dự án, công trình đầu tư xây dựng được áp dụng cơ chế đặc thù. | Thanh Hóa | VP 1719 |
|  |  | Bộ Tài chính khi quyết định giao dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ NSTW cho NSĐP năm 2022 để thực hiện Quyết định 1719 vừa phân bổ cho từng dự án, vừa phân bổ theo từng lĩnh vực chi, dẫn đến địa phương thiếu chủ động trong tổ chức thực hiện Chương trình, thực tế nhiều lĩnh vực không thực hiện được vì chưa có hướng dẫn, nhưng nhiều lĩnh vực có khả năng chi, nhưng không có nguồn để chi. | Lào Cai | VPCTMTQG 1719 |
|  |  | Điều 21, Nghị định 27/2022/NĐ-CP quy định Hội đồng thẩm định cấp tỉnh phải thẩm định các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết chuỗi giá trị dẫn đến làm giảm tính chủ động của cấp huyện, làm tăng thời gian phê duyệt dự án, tăng thủ tục hành chính của tỉnh. | Lào Cai | Vụ CSDT tổng hợp chung |
|  |  | - Công văn số 677/HD-BVHTTDL ngày 03/3/2022 của Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch; Văn bản số 2184/BGDĐT-GDDT ngày 26/5/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện tiểu Dự án 1-Dự án 5 thuộc Quyết định 1719/QĐ-TTg, đối với một số dự án đầu tư thuộc tiểu dự án thành phần, địa phương phải lập chủ trương đầu tư, trình Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch thẩm định đây là nội dung chưa phù hợp Luật Đầu tư công. - Văn bản số 2651/BVHTTDL - KHTC của Bộ VHTTDL ngày 19/7/2022 về hướng dẫn các nhiệm vụ, chỉ tiêu Dự án 6 QĐ 1719 năm 2022 có chỉ tiêu không phù hợp với thực tế của địa phương (giao chỉ tiêu hỗ trợ tiết chế 28 nhà văn hóa nhưng địa phương đã cơ bản có đủ). | Lào Cai | Vụ CSDT tổng hợp chung |
|  |  | Hiện nay, Trung ương chưa phê duyệt danh sách các thôn có dân tộc khó khăn đặc thù và chưa có hướng dẫn thực hiện Tiểu dự án 1, thuộc dự án 9: Đầu tư phát triển KT-XH các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù do đó không có cơ sở để lập thẩm định và phê duyệt Đề án thành phần. | Hà Giang | Vụ DTTS và Vụ CSDT |
|  |  | Đối với những dự án thực hiện trên địa bàn xã, thôn ĐBKK, việc huy động sự đóng góp của người dân, kể cả bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công đều rất khó khăn. Đây cũng là áp lực của tỉnh trong việc thực hiện được cơ chế huy động sự đóng góp của cộng đồng, người dân. | Lâm Đồng | Vụ CSDT  |
| **3** | **Quyết định số 861/QĐ-TTg về việc phê duyệt danh sách xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2025. Diện đầu tư và chính sách chuyển tiếp với các, thôn bản xã ra khỏi diện đầu tư CT MTQG và chính sách với xã KV II** |
| 3.1 |  | Theo Quyết định 33/2020/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân định vùng đồng bào DTTS&MN theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025, tỉnh An Giang có nhiều ấp của 6 xã không được thụ hưởng chương trình. | An Giang | Vụ CSDT |
| 3.2 |  | Việc phân định vùng đồng bào DTTS và MB giai đoạn 2021 - 2025 đã giảm đối tượng được thụ hưởng, tác động phần nào đến thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu phát triển KT-XH năm 2022; một bộ phận đồng bào DTTS chịu tác động tiếp tục có những kiến nghị.Việc triển khai thực hiện một số chính sách an sinh xã hội tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực III đã hoàn thành nông thôn mới còn nhiều lúng túng do tác động của Quyết định số 861/QĐ-TTg và Quyết định số 612/QĐ-UBDT. | Lạng Sơn, Yên Bái, Nghệ An | Vụ CSDT |
| 3.3 |  | Trung ương chưa ban hành quyết định công nhận 07 tổ, bản thuộc vùng đồng bào DTTS&MN theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 – 2025. | Sơn La | Vụ CSDT |
|  |  | UBDT chậm tham mưu, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh Quyết định số 861/QĐ-TTg và Quyết định số 612/QĐ-UBDT cho phù hợp với tình hình thực tế vì hiện nay tỉnh có nhiều xã ĐBKK thuộc khu vực III đã được công nhận nông thôn mới nhưng các ấp ĐBKK thuộc các xã này không được hưởng các chính sách có liên quan. | Trà Vinh | Vụ CSDT |
| **4** | **Về bộ máy làm công tác dân tộc** | Số lượng biên chế làm công tác dân tộc còn còn ít so với khối lượng công việc chuyên môn nên việc thực hiện nhiệm vụ gặp nhiều khó khăn.Tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác dân tộc chưa ổn định. Việc giải thể, sáp nhập tổ chức bộ máy Phòng Dân tộc ở một số huyện, cán bộ làm kiêm nhiệm ảnh hưởng đến chất lượng công việc. | Bắc Kạn, Hậu Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, Vĩnh Phúc, Bình Phước, Nghệ An | Vụ TCCB |
| **5** | **Công tác cán bộ** | Trình độ năng lực của một số cán bộ làm công tác dân tộc ở các xã ĐBKK, vùng đồng bào dân tộc còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.Một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác tại địa bàn vùng đồng bào DTTS & MN còn thấp.Nguồn nhân lực thực hiện công tác Dân tộc từ tỉnh đến huyện còn thiếu nên việc tuyên truyền, nắm bắt, giám sát các CSDT có lúc, có nơi chưa được kịp thời, công tác theo dõi nắm bắt tâm tư nguyện vọng của đồng bào còn có những hạn chế. | Sóc Trăng, Khánh Hòa, Lai Châu, Tây Ninh, Thừa Thiên - Huế, Nghệ An | Vụ TCCB |
|  | **Chính sách giáo dục đào tạo** | Một số chính sách hỗ trợ tiền ăn cho học sinh nội trú, bán trú còn thấp, rất khó khăn việc tổ chức nấu ăn, sinh hoạt hằng ngày của học sinh (học sinh nội trú được hưởng học bổng 80% mức lương cơ sở/tháng/HS; học sinh bán trú được hỗ trợ 40% mức lương cơ sở/tháng/HS theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016. | Lào Cai | Vụ CSDT tổng hợp |
| **8** | **Công tác tuyên truyền vận động** | Công tác phổ biến chính sách, tuyên truyền, vận động nhân dân còn hạn chế; một bộ phận hộ nghèo, người nghèo còn trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước chưa quyết tâm vươn lên thoát nghèo. Chưa khơi dậy và phát huy được nguồn lực trong dân, trong cộng đồng, nhất là trong phát triển sản xuất, nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả, chưa tạo được nhiều mô hình giúp nhau làm giàu. | Điện Biên, Cao Bằng, Khánh Hòa, Lạng Sơn, Sóc Trăng | Vụ Tuyên truyền |
| **9** | **Chính sách người có uy tín** | Một số chế độ chính sách chế độ đối với người có uy tín còn thấp, chưa tạo động lực để người có uy tín hoạt động tích cực, hiệu quả hơn. | Quảng Trị, Điện Biên, Đắk Lắk, Khánh Hòa | Vụ DTTS |
| **10** | **Khó khăn đời sống** | - Vùng DTTS hiện nay hệ thống kết cấu hạ tầng KT-XH vẫn còn nhiều hạn chế; thiếu đồng bộ, tính kết nối thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế và sinh kế của người dân. Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo cao; đa phần các hộ gia đình nghèo trong vùng có nghề nghiệp không ổn định, đông con, trình độ dân trí thấp; thiếu vốn, thiếu tư liệu sản xuất; đời sống còn nhiều khó khăn. Việc thoát nghèo đối với các hộ nghèo trong vùng DTTS là thiếu tính bền vững, nguy cơ tái nghèo khá cao.- Do ảnh hưởng của dịch bệnh và cuộc xung đột Nga - Ukraine đã khiến giá cả nguyên vật liệu tăng cao, đã ảnh hưởng đến tình hình phát triển KT-XH và đời sống của đồng bào vùng DTTS và miền núi. | Cà Mau, Cao Bằng, Điện Biên, Hà Nội, Hậu Giang, Hòa Bình, Kiên Giang, Lai Châu, Lạng Sơn, Phú Yên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Tây Ninh, Tuyên Quang, Vĩnh Long, Yên Bái, Nghệ An | Các vụ, đơn vị |
| **11** | **Thông tin, báo cáo** | Chế độ thông tin báo cáo của một số cơ quan, địa phương trong tỉnh chưa đảm bảo theo quy định nên ảnh hưởng đến công tác báo cáo với cấp trên và trong việc cập nhật thông tin, nắm tình hình vùng DTTS có lúc chưa kịp thời. | Bắc Kạn, Cao Bằng, Điện Biên, Hà Nội, Quảng Ngãi, Sóc Trăng, Yên Bái, Kon Tum | Vụ Tổng hợp |
| **12** | **Chỉ đạo điều hành**  | Công tác phối hợp của một số cơ quan, đơn vị ở địa phương thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc; việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030 ở địa phương còn lúng túng, tiến độ chậm (giao kế hoạch vốn, phê duyệt danh sách hộ vay vốn....)chưa đảm bảo theo yêu cầu. | TP. Hà Nội, Cao Bằng, Bắc Kạn, Hòa Bình, Kiên Giang, Lâm Đồng, Lạng Sơn, Phú Yên, Thừa Thiên - Huế, Trà Vinh, Yên Bái, Kon Tum, Thanh Hóa | Các Vụ, đơn vị |